TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 698/2019/HS-PT
Ngày: 12/11/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Minh;

Ông Ngô Tự Học.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Nguyễn Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 421/2019/TLPT-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Trung T cùng đồng phạm phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2019/HSST ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N.

**** Các bị cáo kháng cáo:***

1. Nguyễn Trung T, sinh năm 1956; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 2, xã Canh N, huyện T, thành phố N; nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch UBND xã Canh N; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 06/11/2018 theo Quyết định số 63 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Thạch Thất; con ông Nguyễn Trung B (đã chết) và bà Đỗ Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Đỗ Đăng S (Đỗ S), sinh năm 1966; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 10, xã Canh N, huyện T, thành phố N; nghề nghiệp: nguyên Phó Chủ tịch UBND xã Canh N; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 64 ngày 06/11/2018 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Thạch Thất; con ông Đỗ T (đã chết) và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Nguyễn Thị Như H; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Lương T, sinh năm 1973; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 9, xã

Canh N, huyện T, thành phố N; nghề nghiệp: nguyên Cán bộ địa chính UBND xã Canh N; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 66 ngày 06/11/2018 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Thạch Thất; con ông Nguyễn Lương T và bà Nguyễn Thị D (đều đã chết); có vợ là Kiều Thị L và có 02 con, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung T: Luật sư Nguyễn Văn Quang và luật sư Nguyễn Bích Ngọc - Công ty luật hợp danh V.I.P thuộc Đoàn luật sư thành phố N, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra (PC46 nay là PC03) Công an thành phố N nhận được đơn của ông Nguyễn Trung Dật trú tại xã Canh N, huyện T, thành phố N, tố giác về việc cán bộ UBND xã Canh N, huyện T giao đất giãn dân không đúng đối tượng và thu tiền sử dụng đất không được hạch toán vào sổ sách kế toán theo quy định.

Cơ quan CSĐT (PC46) - Công an thành phố N đã tiến hành điều tra xác định được như sau: Ngày 01/3/2006, UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố N) ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch sử dụng đất giãn dân của xã Canh N từ năm 2006-2010.

Căn cứ vào quyết định nêu trên, ngày 25/5/2006, Nguyễn Trung T - Chủ tịch UBND xã Canh N, huyện T (nhiệm kỳ từ năm 2004-2010) ký Quyết định số 41/QĐ-UBND thành lập Hội đồng xét duyệt đất giãn dân do Nguyễn Trung T làm Chủ tịch hội đồng, Nguyễn Lương T - Cán bộ địa chính làm thư ký, Nguyễn Văn Chắt - Kế toán làm uỷ viên cùng 1 số cán bộ xã là uỷ viên để tiến hành rà soát, lập danh sách các hộ xin giao đất ở xã Canh N năm 2006.

Ngày 26/6/2006, Nguyễn Trung T ký Quyết định số 55/QĐ-UBND thành lập tổ công tác giúp cho UBND xã và Hội đồng cấp đất giãn dân do Đỗ Khắc Thành - Phó Chủ tịch UBND xã là tổ trưởng, Nguyễn Lương T là tổ phó và Nguyễn Đức Giạng - Thủ quỹ cùng một số cán bộ xã có nhiệm vụ lập hồ sơ chi tiết về diện tích, lô đất và tiêu chuẩn được xét giao đất ở năm 2006.

Tại các cuộc họp Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân xã Canh N trong các ngày 14/7/2006 và ngày 28/7/2006, do Nguyễn Trung T chủ trì đã thống nhất và ban hành Thông báo ngày 15/9/2006 của UBND xã Canh N: Bổ sung quy hoạch 3,23ha đất 2 lúa tại khu Đồng Vũng sử dụng giao đất có thu tiền sử dụng đất cho

các hộ có khó khăn về đất ở (giãn dân) và 103 xuất, phục vụ hỗ trợ 10% diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi cho các hộ có ruộng bị thu hồi làm dự án tại xã để đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, giải phóng mặt bằng. Yêu cầu Ban chỉ đạo họp đến từng hộ gia đình, phổ biến quy trình và thủ tục điều ghép cho đủ diện tích đất ruộng bị thu hồi là 1.200m^2 được giao một suất đất ở do một người đứng đơn, có biên bản điều ghép thoả thuận ký nhận của từng hộ, có xác nhận của Trưởng thôn.

Ngày 16/9/2006, Nguyễn Trung T ký thông báo gửi các Bí thư chi bộ và Trưởng thôn xã Canh N về việc phân bổ đất giãn dân khu Đồng Vũng thành 200 suất như sau: 94 suất cho các hộ có khó khăn về đất ở để các thôn bình xét, 103 suất phục vụ hỗ trợ đất ở cho các hộ có ruộng bị thu hồi làm dự án tại xã (suất điều ghép 10%), 02 suất trả đối lưu mở rộng công trình di tích lịch sử văn hoá, trường mầm non và 01 suất trả nợ đất. Đồng thời, Nguyễn Trung T ký Quy định số 01/QĐ-UBND về tiêu chuẩn xét cấp đất giãn dân để các thôn bình xét như sau: Hộ gia đình có hộ khẩu thường trú và thực tế đang sinh sống tại xã Canh N, có đông nhân khẩu sống chung trên cùng mảnh đất, có đơn xin giao đất có xác nhận của Trưởng thôn.

Kết quả thực hiện việc phân bổ 200 suất đất được xác định:

- Đối với 94 suất bình xét, các thôn đã tiến hành bình xét theo tiêu chí trên, lập danh sách trình UBND xã duyệt.

- 03 hộ thuộc diện xã trả đất gồm: hộ bà Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Ngọc Thân đổi đất cho xã để làm công trình phúc lợi cải tạo ao cá Bác Hồ, trường mần non và mở rộng chùa và hộ ông Nguyễn Huy Trạm đủ tiêu chuẩn giao đất từ năm 2004 nhưng chưa giao được do vướng giải phóng mặt bằng.

- Đối với 103 suất điều ghép 10%, Nguyễn Trung T đã vận dụng sai Quyết định số 1537 ngày 25/10/2005 của UBND tỉnh Hà Tây về việc cấp đất dịch vụ 10% để giao đất theo nguyên tắc: Các hộ tự lập biên bản thoả thuận điều ghép 10%, có chữ ký của từng hộ, xác nhận của trưởng thôn sao cho đủ diện tích đất ruộng bị thu hồi từ 1000 - 1200m^2 thì thành 01 suất đất giãn dân. Vì việc điều ghép mất nhiều thời gian nên Nguyễn Trung T đã thống nhất cùng Nguyễn Lương T chỉ đạo tổ giúp việc gồm: Đỗ Thế Châu, Nguyễn Đôn Tân, Nguyễn Huy Đàm, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Trung Lục lấy ngẫu nhiên tên của 103 hộ có ruộng bị thu hồi làm dự án tại xã cho vào danh sách 200 hộ dân, xin giao đất giãn dân. Theo chỉ đạo của Nguyễn Trung T, Nguyễn Lương T và tổ giúp việc viết đơn, ký khống tên của các hộ dân, sau đó các Trưởng thôn ký vào đơn, chuyển cho Nguyễn Trung T ký xác nhận để trình UBND huyện T duyệt.

Căn cứ Quyết định số 389 ngày 03/4/2007 của UBND huyện T phê duyệt kế hoạch sử dụng đất giãn dân của xã Canh N thời kỳ 2006 - 2010, ngày 01/5/2007, Nguyễn Trung T ký Tờ trình số 11/TT-UBND gửi UBND huyện T;

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đề nghị chuyển diện tích đất giãn dân sử dụng trong các năm 2006, 2008, 2009 để thực hiện vào năm 2007 và thu hồi 32.343,3m^2 đất 2 lúa tại khu vực Đồng Vũng, xã Canh N để giao đất giãn dân cho 200 hộ làm nhà ở (có danh sách kèm theo).

Trên cơ sở hồ sơ gồm: danh sách 200 hộ xin cấp đất ở giãn dân, đơn của các hộ, biên bản họp công khai, biên bản họp kết thúc công bố danh sách, quy định về cấp đất giãn dân và tờ trình của xã, ngày 07/5/2007, UBND huyện T ra Quyết định số 686/QĐ-UBND xét duyệt đề nghị của UBND xã Canh N.

Ngày 25/5/2007, Nguyễn Trung T ký Quyết định giao Đỗ Đăng S là Phó Chủ tịch UBND xã Canh N phụ trách quản lý đất đai, kinh tế thay cho ông Đỗ Khắc Thành. Ngày 30/5/2007, Nguyễn Trung T ký quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo giao đất ở và đất 10% cho dân tại khu Đồng Vũng giao cho Đỗ Đăng S - Phó Chủ tịch UBND xã Canh N là Trưởng ban, Nguyễn Lương T - Phó ban, Nguyễn Văn Chắt và Nguyễn Đức Giạng làm uỷ viên cùng một số cá nhân khác.

Căn cứ Tờ trình số 14/TT-UBND ngày 11/6/2007 của UBND xã Canh N do Đỗ Đăng S ký đề nghị UBND huyện T duyệt dự toán giá thu tiền sử dụng đất, giá đền bù GPMB thuộc khu Đồng Vũng. Ngày 20/6/2007, UBND huyện T ký Quyết định số 939 phê duyệt giá đền bù giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất và giá thu tiền sử dụng đất giãn dân khu Đồng Vũng loại 1 là 500.000đ/m^2, loại 2 là 350.000đ/m^2 .

Sau khi có Quyết định số 686 và Quyết định 939 của UBND huyện T, Nguyễn Trung T họp Ban chỉ đạo triển khai thu tiền cấp đất giãn dân, cụ thể:

- Đối với 94 suất bình xét, Nguyễn Lương T chuyển danh sách cho Nguyễn Đức Giạng và Nguyễn Văn Chắt thu theo Quyết định 939 của UBND huyện T.

- Đối với 103 xuất đất giãn dân do các hộ tự điều ghép (điều ghép 10%), Nguyễn Lương T đã tập hợp danh sách chuyển cho Đỗ Đăng S ký xác nhận chuyển danh sách cho Nguyễn Văn Chắt và Nguyễn Đức Giạng thu tiền theo giá đất giãn dân quy định tại Quyết định số 939 của UBND huyện T. Kết quả 499 hộ có ruộng bị thu hồi đã điều ghép với nhau được 93 suất đất điều ghép. Chắt và Giạng đã thu tiền 93 suất đất theo giá đất giãn dân mặc dù các hộ mua đất trên không thuộc đối tượng được cấp đất giãn dân.

- Đối với 03 suất xã trả đất thì không thu tiền gồm các hộ: Nguyễn Ngọc Thân, Nguyễn Thị Duyên đổi đất cho xã và hộ ông Nguyễn Huy Trạm được tiêu chuẩn cấp đất trước đó nhưng chưa được trả đất.

Căn cứ giá thu tiền sử dụng đất quy định tại Quyết định số 939, Ban chỉ đạo gồm: Nguyễn Trung T, Nguyễn Lương T, Đỗ Đăng S, Nguyễn Văn Chắt và Nguyễn Đức Giạng đã thống nhất tạm thu trước tiền đất giãn dân khu Đồng Vũng theo 2 mức giá cụ thể là: 60.000.000đ/suất đất loại 1 (500.000 đồng/1m^2 x

120 m^2 = 60.000.000 đồng) và 42.000.000đ/suất đất loại 2 (350.000 đồng/1m^2 x 120 m^2 = 42.000.000 đồng/suất) để lấy tiền chi giải phóng mặt bằng và các hoạt động khác của xã. Các hộ dân đến nộp tiền cho Nguyễn Văn Chắt, phiếu thu nội dung: Tạm thu tiền đất giãn dân khu Đồng Vũng (đối với các hộ bình xét) hoặc tạm thu tiền đất giãn dân khu Đồng Vũng theo tiêu chuẩn 10% (đối với các hộ thuộc diện điều ghép). Phiếu thu gồm 03 liên, Nguyễn Văn Chắt giữ lại 1 liên, người nộp tiền cầm 2 liên chuyển cho Nguyễn Đức Giạng thu tiền, ký tên, lưu lại 1 liên, người nộp tiền giữ 1 liên. (BL 3115-3118; 3689-3695)

Tháng 4/2008, Đỗ Đăng S cùng Nguyễn Lương T, Nguyễn Văn Chắt tổ chức cho các hộ dân gắp phiếu ô đất, xác định loại đất, số thửa đất, diện tích đất cụ thể. Nguyễn Văn Chắt căn cứ vào diện tích đất thực tế đã giao để tính thu tiền sử dụng đất cho từng hộ, viết lại phiếu thu. Nguyễn Đức Giạng căn cứ Phiếu thu mới, so sánh với tiền tạm thu trước đó để thu thêm hoặc trả lại tiền cho các hộ dân.

Về thu tiền sử dụng đất: Nguyễn Trung T đã chỉ đạo thu của 187 hộ với diện tích là 22.605,7m^2 (gồm 94 suất giãn dân và 93 suất điều ghép) được tổng số tiền 8.153.822.550 đồng (trong đó tiền thu của 93 hộ điều ghép là 4.345.326.400 đồng).

Về giao đất: Tháng 4 và tháng 5/2008, Nguyễn Trung T đã chỉ đạo Đỗ Đăng S và Nguyễn Lương T giao 181/200 suất đất gồm: 92/94 suất bình xét, 03 suất đối lưu và 86 suất điều ghép (trong đó có 22 suất đúng tên và 64 suất không đúng tên theo Quyết định 686) nhưng không báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND huyện T. Sau đó, để hợp thức hóa, ngày 10/9/2008, Nguyễn Trung T ký Tờ trình số 10b/TTr-UBND xin thay đổi đối tượng giao đất không đúng tên với Quyết định số 686/QĐ-UBND nhưng không được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đồng ý.

Ngày 07/5/2012, Cơ quan CSĐT (C48) - Bộ Công an đã có Quyết định trưng cầu định giá tài sản. Ngày 15/10/2013, Hội đồng định giá tài sản trong TTHS - UBND TP Hà Nội kết luận xác định: *Định giá lô đất tại khu đất giãn dân Đồng Vũng, xã Canh N, huyện T, TP Hà Nội thời điểm tháng 4, tháng 5/2008 (thời điểm giao đất) là 700.000 đồng/m^2 cho thửa đất ở lô 2 và 875.000 đồng/m^2 cho thửa đất ở lô 1.*

Căn cứ kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự UBND thành phố N, tính đến tháng 5/2008, khi UBND xã Canh N giao 86 suất đất với tổng diện tích **10.391,6m^2** thì số tiền phải nộp là:

- 22 hộ điều ghép trùng tên trong Quyết định 686 (nhưng không phải là đối tượng được cấp đất giãn dân) đã giao cho các hộ có diện tích 2635m^2 tương ứng số tiền 1.973.405.000 đồng, gồm: 07 hộ (Lô 1) diện tích 736,6 m^2 x 875.000 đồng/m^2 = 644.525.000 đồng; 15 hộ (Lô 2) diện tích 1.898,4 m^2 x 700.000

đồng/m^2 = 1.328.888.000 đồng.

- 64 hộ điều ghép không trùng tên trong Quyết định 686 đã giao cho các hộ, có diện tích 7.756,6m^2 tương ứng số tiền 5.762.225.000 đồng, gồm: 18 hộ (Lô 1) diện tích 1900,6m^2 x 875.000 đồng/m^2 = 1.663.025.000 đồng; 46 hộ (Lô 2) DT 5856m^2 x 700.000 đồng/ m^2 = 4.099.200.000 đồng.

- Đối với 03 suất xã trả đất thì không thu tiền gồm các hộ: Nguyễn Ngọc Thân, Nguyễn Thị Duyên đổi đất cho xã (để mở rộng lịch sử văn hoá, trường mầm non và trả nợ làm công trình phúc lợi) và hộ ông Nguyễn Huy Trạm được tiêu chuẩn cấp đất trước đó nhưng chưa được trả đất. (1 hộ loại 2: 126m^2 x 700.000 đồng = 88.200.000 đồng; 2 hộ loại 1: 228m^2 x 875.000 đồng = 199.500.000 đồng). Tổng số tiền đối với 3 suất đất là 287.700.000 đồng.

Như vậy, việc thu tiền sử dụng đất của 89 hộ đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước là: số tiền phải thu là **7.735.630.000 đồng** + **287.700.000 đồng** = **8.023.330.000 đồng.**

***Về chi số tiền đã thu 8.153.822.550 đồng như sau**:

* Nộp kho bạc nhà nước huyện T:

- Ngày 16/10/2008; ngày 31/10/2008 và ngày 31/12/2008, nộp Kho bạc Nhà nước số tiền 3.435.722.000 đồng.

- Ngày 03/9/2009, UBND xã Canh N đã nộp: 23.088.000 đồng (BL 2333) (Lý do nộp bổ sung tiền đất giãn dân).

- Ngày 20, 23/10/2008 và ngày 19/11/2008 xã Canh N nộp tổng số tiền 1.450.168.000 đồng tại Công an thành phố N, ngày 16/3/2011 Công an chuyển nộp vào Kho bạc huyện T số tiền trên.

Tổng số tiền đã chuyển Kho bạc Nhà nước số tiền **4.908.978.000 đồng**.

* Số tiền còn lại **3.230.284.000 đồng**, theo quy định phải nộp về Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định nhưng Nguyễn Văn Chắt và Nguyễn Đức Giạng đã giữ lại lập sổ sách theo dõi riêng, tự ý chi như sau:

- Ứng chi giải phóng mặt bằng (GPMB) khu giãn dân Đồng Vũng cho 117 hộ số tiền 2.087.437.600 đồng (BL 2102-2242).

- Ứng chi phục vụ công tác GPMB khu đất đấu giá cho 25 hộ số tiền 602.599.400 đồng (BL 2243-2269).

- Ứng chi phục vụ công tác GPMB khu đất xây dựng trường mầm non cho 27 hộ số tiền 284.086.000 đồng (BL 2270-2313).

- Ứng chi GPMB đường giao thông liên xã 06 hộ số tiền 88.536.000 đồng (BL 2314-2319).

- Ứng chi một số công trình xây dựng cơ bản xã 05 hộ số tiền 108.600.000 đồng (BL 2320-2329).

- Ứng chi trả chế độ chính sách 01 đối tượng được cấp đất số tiền

30.600.000 đồng (BL 2330).

- Ứng nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc Nhà nước cho 02 hộ số tiền 28.425.000 đồng.

Hiện còn tồn quỹ UBND xã Canh N số tiền 14.560.550 đồng.

Đối với số tiền 1.450.168.000 đồng, Nguyễn Trung T đã chỉ đạo Nguyễn Văn Chắt, Nguyễn Đức Giạng chi thường xuyên như nộp tiền điện, tiền nước, hội họp, trang thiết bị vật tư văn phòng của UBND xã. Để nộp tiền khắc phục Nguyễn Trung T đại diện cho UBND xã Canh N vay của ông Nguyễn Duy Hà - Giám đốc Công ty TNHH Thành Hưng khoảng 1 tỷ đồng trích từ khoản tiền 6,3 tỷ đồng của Công ty Thành Hưng chuyển cho xã Canh N để chi đền bù giải phóng mặt bằng khu tiểu thủ công nghiệp Đám Sào, xã Canh N do Công ty Thành Hưng là chủ đầu tư, việc vay mượn chỉ trao đổi qua điện thoại không có hoá đơn chứng từ chứng minh, còn lại là tiền thu cấp đất giãn dân khu Đồng Vũng. Đến nay, việc giải phóng mặt bằng vẫn chưa hoàn tất, Công ty Thành Hưng có ý kiến khi có quyết toán thì xã có trách nhiệm trả số tiền này cho Công ty Thành Hưng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai của 86 người đại diện thuộc diện điều ghép xác định: Các hộ này có biết về chủ trương điều ghép đất của xã nên đã làm thủ tục để đóng tiền mua đất giãn dân. Việc UBND xã có sai phạm về chủ trương hay không, các hộ dân này không nắm được. Các hộ dân có đề nghị Cơ quan Nhà nước xem xét tạo điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T xác định: Việc xét duyệt các hộ xin cấp đất giãn dân do UBND xã Canh N tự xây dựng tiêu chí, hướng dẫn các hộ làm thủ tục hoàn thiện hồ sơ. Sau đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét làm tờ trình kèm theo hồ sơ của UBND xã và căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh và huyện để phê duyệt. Tại khoản 2, Điều 124 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định: Căn cứ vào Quyết định giao đất, UBND xã nơi có đất có trách nhiệm tổ chức bàn giao đất trên thực địa nên Phòng Tài nguyên Môi trường đã có văn bản cho các xã triển khai bàn giao đất theo danh sách các hộ đã được huyện phê duyệt, sau đó gửi biên bản cho Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, ký biên bản. UBND xã Canh N đã tự ý bàn giao đất sai đối tượng, sai quyết định, không báo cáo Phòng Tài nguyên và Môi trường UBND huyện T.

Xác minh tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện T xác định: Đến nay, Văn phòng đăng ký đất đai đã cấp 09 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 09 hộ dân đúng tên theo Quyết định số 686 của UBND huyện, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ (BL609-612). Khi Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, Văn phòng đăng ký đất đai không cấp GCNQSDĐ cho hộ nào nữa để chờ kết luận của Cơ quan điều tra.

Xác minh tại Kho bạc Nhà nước huyện T xác định: UBND xã Canh N chỉ nộp Kho bạc Nhà nước số tiền 4.908.978.000 đồng. Số tiền còn lại UBND xã không nộp vào Kho bạc Nhà nước để quản lý theo quy định.

Xác minh tại Phòng Kế hoạch - Tài chính UBND huyện T xác định: Việc UBND xã Canh N thu tiền sử dụng đất của các hộ dân không đúng tên theo Quyết định phê duyệt của UBND huyện là vi phạm pháp luật. Việc UBND xã Canh N giữ lại tiền thu cấp đất giãn dân để tự ý chi tiêu, không báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch, không nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện T để quản lý là vi phạm pháp luật.

Kết luận của Giám định viên Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định: Ngày 10/12/2012, việc UBND xã Canh N căn cứ Quyết định 1537/2005/QĐ-UBND ngày 25/10/2005 của UBND tỉnh Hà Tây tiến hành xét duyệt 103 trường hợp trong 200 trường hợp được giao đất kèm theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 07/5/2007 của UBND huyện T là không thực hiện đúng Quyết định của UBND huyện T. Sau đó, UBND xã Canh N đã giao đất cho các trường hợp không đúng tên theo quyết định giao đất của UBND huyện T là vi phạm pháp luật.

Ngoài ra, Kết luận giám định có nêu nội dung: UBND huyện T ban hành Quyết định số 686 ngày 07/5/2007 về việc giao đất ở cho 200 hộ gia đình, cá nhân mà không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất là không phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, UBND huyện T cung cấp: Việc giao đất giãn dân cho 200 hộ dân không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất là căn cứ trong trường hợp: Đất chưa được bồi thường, giải phóng mặt bằng, quy định tại điểm g, khoản 5, Điều 2 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra đã xác định:

Khi biết UBND xã Canh N có chủ trương điều ghép đất ruộng bị thu hồi để cấp đất giãn dân, ông Nguyễn Kim Lợi, trú tại: xã Canh N, huyện T, thành phố N đã mua gom đất ruộng của các hộ dân rồi tự điều ghép được 13 biên bản điều ghép. Sau đó, ông Nguyễn Kim Lợi bán 08 biên bản điều ghép, hưởng lợi số tiền khoảng 100.000.000 đồng (việc mua bán không có giấy tờ gì); Ông Nguyễn Kim Lợi giữ lại 02 biên bản điều ghép (1 suất đứng tên ông Lợi, 1 suất đứng tên vợ là Đỗ Thị Hạng); Còn 03 biên bản tương đương 03 suất, ông Nguyễn Kim Lợi cho Đỗ Đăng S, Nguyễn Lương T, Nguyễn Văn Chắt mỗi người 01 biên bản nhằm mục đích để Soạn, Thanh, Chắt tạo điều kiện làm các thủ tục mua đất tại xã. Tuy nhiên, do không giúp gì được nên khi ông Lợi đòi lại thì Đỗ Đăng S, Nguyễn Lương T, Nguyễn Văn Chắt cùng góp số tiền 250.000.000 đồng trả cho ông Lợi. Quá trình điều tra không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Kim Lợi nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý thấy là có cơ sở.

Tại Bản án sơ thẩm số 83/2019/HSST ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N quyết định:

Tuyên bố: Nguyễn Trung T, Đỗ Đăng S, Nguyễn Lương T, Nguyễn Văn Chắt, Nguyễn Đức Giạng phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Áp dụng khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Trung T 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Đỗ Đăng S 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Lương T 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác (nhưng cho hưởng án treo), xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Trung T kháng cáo kêu oan; các bị cáo Đỗ Đăng S, Nguyễn Lương T kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Trung T không kêu oan mà chuyển sang kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Nguyễn Trung T, Đỗ Đăng S, Nguyễn Lương T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết đối với các bị cáo. Các bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Trung T, Đỗ Đăng S và Nguyễn Lương T đều về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" là đúng pháp luật như lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Xét, do các bị cáo nhận thức hạn chế, hành vi phạm tội của các bị cáo vì lợi ích chung; các bị cáo có nhiều thành tích trong công tác địa phương, được Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các tổ chức, đoàn thể nơi bị cáo công tác có đơn gửi các cơ quan bảo vệ pháp luật khoan hồng giảm nhẹ cho các bị cáo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt tù.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả xét hỏi tranh tụng và tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan-

toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bào chữa của luật sư cho bị cáo Nguyễn Trung T,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trung T, Đỗ Đăng S, Nguyễn Lương T đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội do các bị cáo là người đã lợi dụng chức vụ gây ra đúng như nội dung Cáo trạng và Bản án hình sự sơ thẩm số 83 ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quy kết đối với các bị cáo. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định:

Trong thời gian từ tháng 5/2006 đến tháng 9/2008, Nguyễn Trung T là Chủ tịch UBND xã Canh N, huyện T (nhiệm kỳ 2004-2010), đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ về việc cấp đất giãn dân chỉ vì muốn hoàn thành dự án tại xã Canh N, để phục vụ lợi ích của địa phương. Từ đó, Nguyễn Trung T đã chỉ đạo Nguyễn Lương T - Cán bộ địa chính xã lập khống danh sách 103 hộ xin cấp đất giãn dân để trình lên UBND huyện T phê duyệt; đồng thời T còn chỉ đạo Đỗ Đăng S - Phó Chủ tịch UBND xã Canh N và Nguyễn Lương T thực hiện việc điều ghép 93 suất đất không đúng thủ tục, không đúng đối tượng và không đúng thẩm quyền theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 07/5/2007 của UBND huyện T. Sau đó, Nguyễn Trung T chỉ đạo Nguyễn Văn C - Kế toán và Nguyễn Đức Giang - Thủ quỹ của UBND xã Canh N thu tiền đất giãn dân sai đối tượng của 93 suất (được điều ghép từ 449 hộ có ruộng bị thu hồi). Đồng thời, Nguyễn Trung T còn chỉ đạo Đỗ Đăng S và Nguyễn Lương T bàn giao đất cho 86/93 hộ dân điều ghép (7 hộ chưa bàn giao do vướng giải phóng mặt bằng) và 03 hộ trả đất đối lưu với diện tích 10.745,6m^2 đất đã gây thiệt hại cho Nhà nước với tổng số tiền 8.023.330.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan, tổ chức là chính quyền nhân dân, không những thế còn gây dư luận không tốt cho nhân dân địa phương nơi các bị cáo cư trú và làm việc, nên Tòa án nhân dân thành phố N đã kết án các bị cáo đều về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù và lời trình bày của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Mặc dù hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra như đã nêu ở trên là rất nguy hiểm, nên việc áp dụng pháp luật để xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc và tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là cần thiết, có như vậy mới đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Sau khi vụ án bị phát hiện thì các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, về nhân thân thì các bị cáo đều là người tốt, chưa có tiền án-tiền sự; bản

thân các bị cáo cũng như gia đình các bị cáo đều có công với cách mạng. Trước và sau khi xét xử sơ thẩm thì Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ xã và các ban, ngành, đoàn thể xã Canh N, huyện T đã có công văn gửi đến các cơ quan tiến hành tố tụng của Hà Nội, Viện kiểm sát và Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để xin khoan hồng giảm nhẹ hình phạt tù cho các bị cáo, vì các bị cáo là những người có quá trình cống hiến nhiều năm cho công tác địa phương, sở dĩ các bị cáo phạm tội là do nhận thức hạn chế, chỉ nghĩ để phục vụ cho địa phương mà đã phạm tội. Các bị cáo có quá trình tham gia cách mạng, trong đó có một thời gian dài công tác tại địa phương, có sự đóng góp đáng kể của các bị cáo, cũng như các bị cáo không có tư lợi cho cá nhân. Trong vụ án này bị cáo T thì nay tuổi đã cao, lại bị bệnh tật; còn đối với các bị cáo S và T thì là cấp dưới làm theo chỉ đạo của Chủ tịch Nguyễn Trung T, nên vai trò của các bị cáo là thứ yếu, đơn giản. Vì vậy, xét cần thiết phải giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt tù để phù hợp với tính chất, mức độ, vai trò phạm tội của các bị cáo, nhưng vẫn đủ tính nghiêm minh của pháp luật và vẫn đảm bảo được tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa và đề nghị của đại diện UBND xã Canh N, huyện T tại phiên tòa phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ được chấp nhận, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355, 356 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Trung T, Đỗ Đăng S và Nguyễn Lương T, để sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2019/HS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Nay tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Trung T, Đỗ Đăng S, Nguyễn Lương T phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

Áp dụng khoản 3 Điều 281 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Trung T 60 (sáu mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Đỗ Đăng S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Lương T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/11/2019).

Nơi nhận:
-VKSNDCC tại Hà Nội;
- VVKSND Tp Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các bị cáo (theo đ/c);
- Lưu HCTP, HS:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Xuân Hùng